



**Checklist for visa applications *Danh sách giấy tờ cần cho hồ sơ xin cấp thị thực***

**Business/trade fair/congress *Đi công tác/hội chợ/hội nghị***

**Name and Surname of applicant:** \_\_\_\_\_ (*Họ và tên*)

**Nationality:** \_\_\_\_\_ (*Quốc tịch*)

The following documents are required and should be submitted to the VFS Global Visa Application Centre on the day of application in person. Please sort the documents in order of this checklist.

*Các giấy tờ sau đây là bắt buộc và phải được nộp tại Trung tâm nhận hồ sơ thị thực VFS Global vào ngày nộp hồ sơ. Xin vui lòng sắp xếp giấy tờ theo thứ tự trong danh sách này.*

For every document, you must provide the original + 1 simple copy. Documents in Vietnamese or any other foreign language need to be accompanied by a translation into German or English.

*Đối với mỗi giấy tờ, quý vị phải cung cấp bản gốc + 1 bản sao không cần công chứng. Giấy tờ bằng tiếng Việt hoặc bất kỳ ngoại ngữ nào khác cần phải kèm theo bản dịch sang tiếng Đức hoặc tiếng Anh.*

**Please check the boxes below and sign to confirm which documents you have submitted.**

*Xin vui lòng đánh dấu vào các ô và kí tên để xác nhận các giấy tờ đã nộp.*

<b>All applications for Schengen visa must contain</b> <i>Tất cả các bộ hồ sơ xin thị thực Schengen cần phải có</i>	Submitted by applicant <i>Có nộp</i>	Only to be filled out by VFS	Remarks <i>Ghi chú</i>
<b>1. <u>Schengen Visa application form</u> completely filled out and signed by the applicant</b> <i><u>Đơn xin cấp thị thực</u> được điền đầy đủ và được ký tên bởi người nộp đơn</i>			
<b>2. Two recent, identical, biometric passport photos (45mm x 35mm)</b> <i>Hai ảnh hộ chiếu sinh trắc học chụp gần đây, ảnh phải giống nhau ( cỡ 45mm x 35mm)</i> <a href="#">(Click here for more information on photo regulations)</a> <i>Please only glue <u>one</u> photo to the application form. <u>Đề nghị chỉ dán một ảnh vào đơn xin cấp thị thực</u> (một ảnh còn lại không được dán, vì cần dùng để scan)</i>			
<b>3. Original passport or official travel document (No plastic covers/envelopes!)</b> <i>Hộ chiếu hoặc giấy tờ đi lại chính thức (Đề nghị không dùng bao bọc/vỏ bao hộ chiếu!)</i> Please note: Your passport or travel document must be valid for at least 3 months from the date on which you leave the Schengen area. The document must contain at least 2 empty visa pages and it cannot have been issued more than 10 years ago. <i>Xin lưu ý: Hộ chiếu hoặc giấy tờ đi lại của quý vị phải còn giá trị ít nhất 3 tháng kể từ ngày quý vị rời khỏi khu vực Schengen. Hộ chiếu hay giấy tờ đi lại phải còn ít nhất 2 trang trống dành cho thị thực và không được cấp trước đó quá 10 năm.</i>			
<b>4. If the applicant is not a Vietnamese citizen: Vietnamese residence permit for foreigners</b> <i>Trường hợp người nộp đơn không phải là công dân Việt Nam: Giấy phép cư trú Việt Nam cho người nước ngoài</i>			
<b>5. <u>Additional information sheet</u> pursuant Section 54 (2) 8 in conjunction with Section 53 of the Residence Act (signed by the applicant) (= “Belehrung”)</b> <i>Phiếu biên quy định theo Điều 54, Khoản 2, Mục 8 và Điều 53 Luật Cư trú (được ký tên bởi người nộp đơn)</i>			
<b>6. Documents reflecting the nature of the business trip and business relations between the relevant companies in Germany and Vietnam (if applicable, including information who covers the business trip, accommodation and all occurring costs in Germany) <u>Giấy tờ thể hiện tính chất</u></b>			



<p><b>chuyến công tác và quan hệ kinh doanh giữa các công ty có liên quan ở Đức và Việt Nam (nếu có, bao gồm thông tin về việc ai sẽ chi trả cho chuyến công tác, chỗ ở và tất cả các chi phí khác tại Đức)</b></p> <p>a) Invitation letter from company/authority in Germany with full address, stating the purpose and duration (precise itinerary!) of the business trip <b>and/or</b> <i>Thư mời của công ty / cơ quan chức năng tại Đức với địa chỉ đầy đủ, nêu rõ mục đích và thời gian (lịch trình chính xác!) của chuyến công tác <b>và / hoặc</b></i></p> <p>b) Information on business event/congress/trade fair to participate in in Germany with details of organizer/ host, with full address in Germany, duration (precise itinerary!) of event and reason to take part (e.g. confirmed congress participation, visitor ticket for trade fair, contract negotiations, etc.) <i>Thông tin về sự kiện / hội nghị / hội chợ thương mại sẽ tham dự tại Đức với nội dung chi tiết về nhà tổ chức / đơn vị mời, với địa chỉ đầy đủ tại Đức, thời gian (lịch trình chính xác!) của sự kiện và lý do tham dự (ví dụ như xác nhận tham dự hội nghị, vé tham quan hội chợ thương mại, đàm phán hợp đồng, v.v.).</i></p> <p>c) Information reflecting the existence of trade relations or relations for work purposes stating details of company in Germany and in Vietnam <i>Giấy tờ thể hiện sự tồn tại quan hệ thương mại hoặc quan hệ công việc trong đó có nêu thông tin về công ty ở Đức và ở Việt Nam.</i></p> <p>d) <u>Only applicable for exhibitors:</u> Information on trade fair by submitting exhibitor ticket/ exhibitor invoice/confirmation letter reflecting status as trade fair exhibitor. Applicants will be granted a gratis visa if the above documents are submitted and reflect name of applicant and/or employer. <i>Chỉ áp dụng cho người tham gia trưng bày tại hội chợ: Giấy tờ về hội chợ thương mại thể hiện người nộp đơn tham gia trưng bày tại đó như vé tham gia hội chợ dành cho người trưng bày / hóa đơn xác nhận trả tiền thuê gian hàng trưng bày / thư xác nhận. Người nộp đơn sẽ được cấp thị thực miễn phí nếu trình các giấy tờ nêu trên và trong giấy tờ có nêu tên của người nộp đơn và / hoặc người sử dụng lao động.</i></p>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
<p><b>7. Proof of employment (if applicable) Bằng chứng về việc làm (nếu có):</b></p> <p>a) Labor contract stating position, length of employment <i>Hợp đồng lao động nêu rõ vị trí/chức vụ, thời gian làm việc</i></p> <p>b) Bank statements (no savings accounts) <i>Sao kê tài khoản ngân hàng (không phải sổ tiết kiệm)</i></p> <p>c) Statement from the employer that the applicant is scheduled to go on a business trip <i>Xác nhận của bên sử dụng lao động về việc cử người nộp đơn đi công tác</i></p> <p>d) Social security booklet <i>Sổ bảo hiểm xã hội</i></p>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
<p><b>8. Only for company owners or self-employed applicants Chỉ dành cho người nộp đơn là chủ sở hữu công ty hoặc là người tự hành nghề:</b></p> <p>a) Business register <i>Chứng nhận đăng ký kinh doanh</i></p> <p>b) Company's tax return statement of the last 3 months <i>Báo cáo thuế của công ty trong 3 tháng gần nhất</i></p>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
<p><b>9. Proof of sufficient funds for the entire visit Chứng minh tài chính cho toàn bộ chuyến đi:</b></p> <p>a) Bank statements (no savings accounts) <b>and/or</b> <i>Sao kê tài khoản ngân hàng (không phải sổ tiết kiệm <b>và/hoặc</b></i></p> <p>b) Declaration of assumption of costs by the German company pursuant Section 66-68 of the Residence Act (Kostenübernahmeerklärung nach §§66-68 AufenthG) <b>and/or</b> <i>Tuyên bố của công ty Đức về việc sẽ chi trả chi phí theo điều 66-68 Luật Cư trú (Kostenübernahmeerklärung nach §§66-68 AufenthG) <b>và/hoặc</b></i></p> <p>c) Deployment letter by the Vietnamese company which confirms that the company bears all travel expenses <i>Xác nhận của công ty Việt Nam về việc công ty sẽ chi trả toàn bộ chi phí cho chuyến đi</i></p>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	



<p><b>10. Proof of family status of the applicant <i>Giấy tờ về gia đình của người nộp đơn:</i></b>  a) Marriage certificate (if applicable) + ID card of the spouse + residence permit of the spouse, if they currently stay in the EU/Schengen area.  <i>Giấy chứng nhận kết hôn (nếu có) + Giấy chứng minh nhân dân/thẻ căn cước của vợ/chồng + Giấy phép cư trú của vợ/chồng, nếu họ hiện đang cư trú tại khu vực EU / Schengen</i>  b) Birth certificate of all children of the applicant (if applicable) + ID cards of all the children + residence permits of the children, if they stay currently in the EU/Schengen area.  <i>Giấy khai sinh của tất cả các con của người nộp đơn (nếu có) + Giấy chứng minh nhân dân/thẻ căn cước của tất cả các con + Giấy phép cư trú của các con, nếu các con hiện đang cư trú tại khu vực EU / Schengen</i>  c) Vietnamese family book <i>Sổ hộ khẩu gia đình</i></p>	<input type="checkbox"/>       <input type="checkbox"/>       <input type="checkbox"/>       	<input type="checkbox"/>       <input type="checkbox"/>       <input type="checkbox"/>       	
<p><b>11. Travel itinerary and hotel reservation/private accomodation <i>Lịch trình đi và đặt phòng khách sạn / chỗ ở riêng</i></b>  a) Valid (existing) hotel bookings/reservations or private accommodation with full address (name, street, city, zip code, contact information, booking reference...) <i>Xác nhận đặt phòng/đăng ký giữ chỗ khách sạn hợp lệ (hiện có) hoặc bằng chứng về chỗ ở riêng với địa chỉ đầy đủ (tên khách sạn, đường, thành phố, mã bưu điện, thông tin liên hệ, mã số đặt phòng...)</i>  b) Travel itinerary <i>Lịch trình đi</i></p>	<input type="checkbox"/>       <input type="checkbox"/>       	<input type="checkbox"/>       <input type="checkbox"/>       	
<p><b>12. Proof of previous Schengen visas (if applicable) <i>Bằng chứng về những thị thực Schengen trước đây (nếu có):</i></b> Original of expired/old passports or travel documents in addition to No. 3  <i>Bản gốc hộ chiếu hay giấy tờ đi lại đã hết hạn/cũ ngoài giấy tờ nêu ở mục số 3</i></p>			
<p><b>13. Compulsory paid travel medical insurance</b> (specifications: valid for all Schengen states, covers entire period of intended stay, covers the cost of emergency treatment and transport to home country for medical reasons, minimum coverage shall be EUR 30,000).  <i><b>Bảo hiểm y tế du lịch bắt buộc</b> (Bảo hiểm phải có giá trị cho tất cả các nước Schengen và cho toàn bộ thời gian lưu trú dự kiến, bao gồm cả chi phí điều trị khẩn cấp và vận chuyển về nước vì lý do y tế, mức bảo hiểm tối thiểu là 30.000 EUR).</i></p>			

**By signing this checklist, I confirm that I understand the following information:**

I will not have my passport in my possession during the process of my visa application.

The processing time of my visa application may take up to 15 days.

An application without the complete set of documents according to the above mentioned checklist may lead to an extended processing time of the application and/or a refusal.

Providing incorrect information or falsified documents deliberately are punishable acts by German law and regulations.

The German diplomatic missions in Vietnam reserve the right to request additional supporting documents and/or information if necessary.

**Với việc ký tên vào danh sách giấy tờ này, tôi xác nhận rằng tôi đã hiểu rõ các thông tin sau:**

Tôi sẽ không giữ hộ chiếu của mình trong quá trình xin thị thực.

Thời gian xử lý hồ sơ xin thị thực của tôi có thể kéo dài tới 15 ngày.

Việc nộp hồ sơ không có đủ các giấy tờ nêu trong danh sách trên có thể làm cho thời gian xử lý bị kéo dài hoặc hồ sơ bị từ chối.

Việc cung cấp thông tin không chính xác hoặc nộp giấy tờ giả là những hành vi bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo luật Đức.



Missions of the  
Federal Republic of Germany  
in Vietnam

*Cơ quan đại diện ngoại giao của Đức tại Việt Nam có quyền yêu cầu thêm các giấy tờ và / hoặc thông tin khác nếu cần thiết.*

**Place and date/ Địa điểm và ngày**

**Applicant's signature / Chữ ký người nộp đơn**

---

---

**REMARKS FROM VFS STAFF/ GHI CHÚ TỪ NHÂN VIÊN VFS:**